

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HS-ST

Ngày: 21 - 12 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Phương và ông Trần Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2023/TLST- HS ngày 27 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HS ngày 8 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn L, sinh năm 1989 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị S. Bị cáo có vợ là Lã Thị Thúy D và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 09/02/2021, Công an huyện K ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”

Lịch sử bản thân:

Ngày 22/6/2017, Tòa án nhân dân huyện K phạt tiền 8.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong ngày 23/7/2017

Ngày 12/5/2021 Công an xã Q ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/8/2023 đến ngày 30/8/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị M sinh năm 1982. Địa chỉ: Xóm 8, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Người chứng kiến:

+ Anh Trần Trọng Đ, anh Dương Văn H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy, khoảng 10 giờ 00 phút ngày 23/8/2023, Phạm Văn L điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 35FS-0128 từ nhà đến khu vực miếu thuộc xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, tại đây L gặp hỏi và mua được 01 gói ma túy của một người đàn ông không quen biết với giá 500.000 đồng. Sau đó, L cầm gói ma túy trong tay trái rồi điều khiển xe đi về nhà. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực đường dong thuộc xóm 2, xã K, huyện K, L dừng lại định mở gói ma túy ra xem thì bị Tổ công tác Công an huyện K và Công an xã K đang làm nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ trên tay trái của L 01 gói nhỏ được gói bên ngoài bằng giấy trắng có mực màu xanh, kích thước (01x0,5)cm; 01 xe mô tô Biển kiểm soát 35FS-0128, màu sơn xanh đen đã cũ.

Tiến hành mở niêm phong gói nhỏ thu giữ của L bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng, khối lượng 0,26 gam ký hiệu M gửi trưng cầu giám định.

Kết luận giám định số 686/KL-KTHS-MT ngày 29/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình: Kết luận mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi đi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2548 gam, là ma túy, loại Heroine.

Quá trình điều tra, Phạm Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 82/CT-VKS - KS ngày 24/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.
- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 18 (mười tám) đến 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo ngày 23/08/2023.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ghi số 686/KL – KTHS – MT bên trong có vật chứng còn lại sau giám định có khối lượng 0,1990 gam là ma túy loại Heroine và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 vỏ phong bì niêm phong, 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ, có mực màu xanh.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo Phạm Văn L như nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và người chứng kiến, phù hợp với biên bản về việc thu giữ và niêm phong vật chứng lập hồi 10 giờ 35 phút ngày 23 tháng 08

năm 2023, biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 11 giờ 05 phút ngày 23 tháng 08 năm 2023 và phù hợp kết luận giám định cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 23/8/2023, tại khu vực đường đông thuộc xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, Phạm Văn L đã có hành vi cất giữ trái phép trong người 0,2548 gam Heroine để sử dụng cho bản thân.

Heroin là chất ma túy thuộc bảng danh mục IA, số thứ tự 9 ban hành kèm theo Nghị định số 57/2022/NĐ –CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính Phủ.

[2] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...”

[3] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền của nhà nước về quản lý, sản xuất kinh doanh một số loại hàng cấm. Mặt khác hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội và việc quản lý kinh tế tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ ma túy là mặt hàng nhà nước cấm tàng trữ, sử dụng và mua bán nhưng vì nhu cầu sử dụng cho bản thân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo có nhân thân xấu nhiều lần vi phạm hành chính trong đó có lần liên quan đến việc sử dụng ma túy. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo cai nghiện, học tập thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội để phục vụ cho nhu cầu nghiện ma túy của bản thân, mặt khác qua xác minh tại chính quyền địa phương bị cáo không có

tài sản riêng và cũng không có công ăn việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo khai mua của một người đàn ông không quen biết khoảng 40 tuổi tại khu vực miếu thuộc xóm 2 xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ người này và nếu gặp lại cũng không nhận dạng được. Do đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh, xử lý đối với người đàn ông trên.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả xe mô tô Biển kiểm soát 35 FS-0128 cho chị Trần Thị M do tài sản trên thuộc quyền sở hữu của chị M. Chị M không biết L sử dụng xe đi mua ma túy. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại xe cho chị M là đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Những vật chứng còn lại của vụ án căn cứ vào Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS xử lý như sau:

Toàn bộ số ma túy còn lại sau khi giám định có khối lượng là 0,1990 gam gam Heroin cùng với toàn bộ vỏ bao gói niêm phong được niêm phong trong một phong bì ghi số 686/KL – KTHS – MT cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

01 phong bì niêm phong bên trong có 01 vỏ phong bì niêm phong, 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ, có mực màu xanh cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn Linh phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[08] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội: “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 23 tháng 08 năm 2023.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy những vật chứng của vụ án gồm: Toàn bộ số ma túy hoàn trả sau khi giám định có khối lượng 0,1990 gam Heroin cùng với toàn bộ vỏ bao gói niêm phong được niêm phong trong một phong bì ghi số 686/KL – KTHS – MT; 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 vỏ phong bì niêm phong, 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ, có mực màu xanh

(Chi tiết vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/11/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn L phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm đề sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/12/2023). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND huyện K: 02 bản
- Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình.
- . Cơ quan Điều tra CA huyện K : 01 bản
- Cơ quan THA hình sự CA huyện K : 01 bản.
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- Chi cục THA dân sự huyện K: 01 bản
- Bị cáo: 01 bản.
- Người có QLNVLQ: 01 bản
- Lưu hồ sơ: 01 bản.
- Lưu VP: 02 bản.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Khanh